



Review Article

# Prior Notification Process Under Merger Regulation: A Comparative Perspective between Vietnam and Several Countries

Truong Trong Hieu \*

*University of Economics and Law, Vietnam National University - Ho Chi Minh City,  
No. 669, 1A National High Way, Linh Xuan Ward, Thu Duc, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received 03 August 2020

Revised 02 November 2022; Accepted 20 March 2022

**Abstract:** A prior notification process significantly contributes to the *ex-ante* merger review. Being familiar with many legal systems, Vietnam has led to the compulsory notification process since the first version of competition law. The Vietnamese Competition Law 2018 still keeps this legal mechanism and also sets up the new notification requirements, which help the merger review process to be more effective. Therefore, other countries' experience is helpful for the ongoing Vietnamese progress on merger regulation improvements. In particular, the article suggests that the stage of early consultation that has been popular in Japan and the EU can be lessons for Vietnam.

**Keywords:** Merger, notification process, consultation, competition law, review.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [hieutt@uel.edu.vn](mailto:hieutt@uel.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4311>

# Thủ tục thông báo sáp nhập doanh nghiệp ở Việt Nam qua đối chiếu với các nước

Trương Trọng Hiếu\*

*Trường ĐH Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM  
Số 669, Quốc lộ 1A, Phường Linh Xuân, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 03 tháng 8 năm 2020  
Chỉnh sửa ngày 02 tháng 11 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2022

**Tóm tắt:** Thủ tục thông báo đóng vai trò quan trọng đối với thủ tục tiền kiểm trong rà soát sáp nhập. Cũng như nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam áp dụng thủ tục thông báo sáp nhập bắt buộc từ phiên bản Luật cạnh tranh đầu tiên. Luật Cạnh tranh 2018 tiếp tục duy trì cơ chế này, đồng thời đặt ra các tiêu chí thông báo mới giúp quá trình rà soát sáp nhập hiệu quả hơn. Kinh nghiệm các nước vì vậy có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình hoàn thiện pháp luật sáp nhập không ngừng của Việt Nam. Trong số đó, thủ tục tham vấn sớm được sử dụng phổ biến ở Nhật Bản và châu Âu là một trọng những phương thức quan trọng cần được lưu tâm và vận dụng.

*Từ khóa:* Sáp nhập, thủ tục thông báo, tham vấn, luật cạnh tranh, rà soát.

## 1. Đặt vấn đề

### **Thủ tục thông báo sáp nhập không hiệu quả theo Luật Cạnh tranh năm 2004**

Ngay từ đầu, với Luật Cạnh tranh năm 2004 (LCT 2004), Việt Nam áp dụng thủ tục thông báo sáp nhập bắt buộc đối với tất cả hình thức sáp nhập doanh nghiệp. Theo đó, các bên sáp nhập chỉ có thể triển khai thực hiện thương vụ sáp nhập sau khi có được sự chấp nhận của Cục Quản lý cạnh tranh (QLCT). Tuy nhiên, các bên chỉ phải thông báo vụ sáp nhập cho cơ quan cạnh tranh trong những trường hợp đã được quy định.

Theo logic, thủ tục thông báo giúp các bên tránh được những rủi ro có thể xảy ra nhờ có những phản hồi từ cơ quan cạnh tranh. Tuy nhiên, có nhiều lỗ hổng trong thủ tục thông báo sáp nhập trước đây, và điều này đã tạo ra không ít gánh nặng không đáng có cho các bên sáp

nhập. Cụ thể, để kiểm soát sáp nhập, LCT 2004 chia các vụ sáp nhập thành hai nhóm: (i) các vụ sáp nhập có thị phần kết hợp chiếm trên 50% và (ii) các vụ sáp nhập còn lại. LCT 2004 cấm các bên thực hiện sáp nhập trong trường hợp thứ nhất và mở ra cơ hội cho nhóm thứ hai.<sup>1</sup> Dù vậy, LCT 2004 có sự tiếp cận khác biệt ở nhóm sau.

Dựa trên tiêu chí thị phần kết hợp, LCT 2004 tiếp tục phân các vụ sáp nhập ở nhóm thứ hai thành hai phân nhóm nhỏ: các vụ sáp nhập có thị phần kết hợp chiếm trên 30% và các vụ sáp nhập còn lại. Chỉ có các vụ sáp nhập ở phân nhóm thứ nhất mới cần được thông báo với Cục QLCT.<sup>2</sup> Ngược lại, chỉ có các bên sáp nhập ở phân nhóm thứ hai mới hoàn toàn tự do thực hiện thương vụ của mình. Rủi ro là, với cách tiếp cận phân biệt này, kiểm soát sáp nhập ở Việt Nam đã phát sinh nhiều vấn đề sau gần mười lăm năm thực hiện LCT 2004.

\* Tác giả liên hệ.

*Địa chỉ email:* hieutt@uel.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4311>

<sup>1</sup> Điều 18 Luật Cạnh tranh 2004.

<sup>2</sup> Điều 20 Luật Cạnh tranh 2004.

Tiêu chí “tổng thị phần kết hợp” thực sự là gánh nặng đối với các bên sáp nhập. Để xác định thị phần, các bên phải thu thập thông tin, dữ liệu về doanh thu của cả các bên sáp nhập và toàn bộ doanh nghiệp đối thủ.<sup>3</sup> Rõ ràng, đó là một đòi hỏi khó có thể đáp ứng đối với doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin về doanh thu của doanh nghiệp khác là thông tin mà LCT 2004 cũng đã đặt ra trách nhiệm thu thập cho Cục QLCT [1, p. 50], [2, p. 12]. Có nghĩa, luật pháp đã gia tăng chi phí khi một loại thông tin đã phải được tìm kiếm hai lần. Hơn thế nữa, sẽ trở nên vô nghĩa khi quy định pháp luật vô tình đặt trên vai của doanh nghiệp công việc mà bản thân họ không có quyền yêu cầu doanh nghiệp khác cung cấp thông tin. Về nguyên tắc, công việc đó thuộc về cơ quan cạnh tranh là hợp lý, như Hoa Kỳ và Nhật Bản [3, pp. 13, 16] và Cục QLCT cũng có cùng quan điểm này [4, pp. 123 - 124], [5, p. 42].

Ở một góc nhìn khác, những nghi vấn về sự trung thực của các bên sáp nhập cũng xuất hiện, khi số lượng vụ sáp nhập được thông báo đến Cục QLCT quá nhỏ so với số lượng vụ sáp nhập thực hiện trên thực tế được chính Cục QLCT tổng hợp.<sup>4</sup> Cục QLCT đã đưa ra ba lý do chính cho con số ít ỏi đó. Một, doanh nghiệp chưa kịp nắm bắt quy định mới. Hai, các bên thường đơn giản hóa trong tính toán thị phần.<sup>5</sup> Và ba, với kinh nghiệm của mình, doanh nghiệp thường ước tính thị phần dựa theo thông số marketing mà các bên có [6, pp. 66 - 67].

Thực chất, sự tính toán này quá thiên về tính kỹ thuật và các bên vì vậy có phần lúng túng trước các phương pháp được quy định bởi LCT 2004 [7, p. 61]. Trên thực tế, các công ty thường có sẵn thông số thị phần phục vụ chiến lược

marketing của doanh nghiệp như vừa nói. Tuy nhiên, thông số thị phần này không khớp với thị phần được tính toán theo quy định của LCT. Cho nên, việc sử dụng thông số thị phần làm căn cứ duy nhất cho thủ tục thông báo sáp nhập sẽ giảm thiểu số lượng vụ sáp nhập cần phải thông báo ngay cả khi số vụ sáp nhập được thông báo trên thực tế đã rất thấp [7, p. 58].

Ngoài ra, còn có một giả định khác là số liệu về số lượng các vụ sáp nhập được thông báo có thể chưa phản ánh đúng mức độ và tần suất của các hoạt động sáp nhập doanh nghiệp cần phải được thông báo và kiểm soát. Theo LCT 2004, các bên vụ sáp nhập có thị phần kết hợp trên 50% không thông báo đến Cục QLCT có thể bị xử phạt.<sup>6</sup> Tuy nhiên, trong một khoảng thời gian dài triển khai kiểm soát sáp nhập, Cục QLCT chưa phát hiện trường hợp vi phạm nào và vì vậy cũng chưa một lần áp dụng chế tài cho các trường hợp đó, có thể do sự hữu hạn về nguồn nhân lực. Thậm chí, việc chưa sử dụng chế tài cho các vụ sáp nhập được thực hiện ngay cả khi chưa tiến hành thủ tục thông báo có thể gây tác dụng ngược. Đó là khi các bên trong một vụ sáp nhập có tổng thị phần kết hợp trên 50% tìm cách lảng tránh việc thông báo. May mắn, trong hoàn cảnh đó, cơ quan cạnh tranh Việt Nam đã triển khai thủ tục hậu kiểm (ex-post) để rà soát một số vụ sáp nhập đã thực hiện, tiêu biểu nhất là vụ sáp nhập giữa Uber và Grab.

Tuy vậy, con số các vụ sáp nhập thông báo tăng dần mỗi năm dự báo nhiều tín hiệu lạc quan. Đơn cử, số vụ sáp nhập được thông báo từ năm 2012 đến năm 2014 mà Cục QLCT nhận được là 19 vụ [6, pp. 46 - 47]. Bên cạnh sự gia tăng tự nhiên từ nhu cầu của nền kinh tế [8], nhận thức

<sup>3</sup> Theo định nghĩa của Luật Cạnh tranh 2004, “thị phần của doanh nghiệp đối với một loại hàng hoá, dịch vụ nhất định là tỷ lệ phần trăm giữa doanh thu bán ra của doanh nghiệp này với tổng doanh thu của tất cả các doanh nghiệp kinh doanh loại hàng hoá, dịch vụ đó trên thị trường liên quan hoặc tỷ lệ phần trăm giữa doanh số mua vào của doanh nghiệp này với tổng doanh số mua vào của tất cả các doanh nghiệp kinh doanh loại hàng hoá, dịch vụ đó trên thị trường liên quan theo tháng, quý, năm.” Xem: Khoản 3 Điều 5 Luật Cạnh tranh 2004.

<sup>4</sup> Để thực hiện bài viết này, tác giả đã phỏng vấn các luật sư tại các công ty luật có nhiều kinh nghiệm tư vấn các vụ sáp nhập. Kết quả phỏng vấn cho thấy có không ít vụ có dấu hiệu vi phạm LCT.

<sup>5</sup> Ví dụ, về trường hợp của Hanoi Telecom trong vụ sáp nhập giữa Viettel và EVN Telecom [2].

<sup>6</sup> Trước đây, Nghị định 120/2005/NĐ-CP đưa ra quy định xử phạt từ 1 đến 3% tổng doanh thu của mỗi bên trong năm tài chính trước đó. Xem: Nghị định 120/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/9/2005; Nghị định 71/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/7/2014.

của doanh nghiệp về nghĩa vụ thông báo sáp nhập cũng dần trở thành một trong những nhân tố tác động quan trọng, đặc biệt là nhu cầu tương tác và phối hợp giữa doanh nghiệp và cơ quan cạnh tranh [6, pp. 47, 66].

Ở Việt Nam, từ trước đến nay, thủ tục tham vấn trước thông báo sáp nhập cũng không được ghi nhận, ngay cả khi đó chỉ là quy định mang tính khuyến nghị. Tuy nhiên, thực tế thì Cục QLCT vẫn luôn khuyến khích các bên sử dụng bước này [6, pp. 68–69]. Các cơ quan khác, như Bộ TTTT và Ủy ban chứng khoán nhà nước, theo lĩnh vực quản lý của các cơ quan này, thường xuyên yêu cầu các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước, xúc tiến các bước tham vấn với Cục QLCT trước khi tiến hành các thương vụ sáp nhập. Trên thực tế, một số vụ sáp nhập đã tham vấn và Cục QLCT cũng đã phản hồi kịp thời. Đáng chú ý, trong hai năm 2018 và 2019, có hơn 30 vụ sáp nhập các bên đã tham vấn trước với Cục QLCT [9, p. 26]. Vừa qua, Ủy ban chứng khoán nhà nước cũng đã đưa ra quy định các giao dịch hoán đổi cổ phiếu trên thị trường chứng khoán đều phải tham vấn ý kiến Cục QLCT [6, p. 34]. Theo đó, đã có 6 trong số 17 thương vụ sáp nhập trên thị trường chứng khoán trong năm 2014 các bên đã liên hệ với Cục QLCT bởi thủ tục này [6, p. 37]. Dù vậy, cũng cần phải nhắc lại rằng tham vấn không phải là bước bắt buộc trong quy trình rà soát sáp nhập.

Nhưng dù gì thì thủ tục thông báo sáp nhập, và cả tham vấn tiền sáp nhập, là những bước quan trọng trong rà soát sáp nhập. Vì lẽ đó, Việt Nam đã có sự điều chỉnh đáng kể các quy định có liên quan về thủ tục này tại Luật Cạnh tranh 2018 (LCT 2018). Nội dung này sẽ tiếp tục được đề cập ở phần tiếp theo của bài viết. Ngoài ra, để có thêm cơ sở cho việc nhận định và đánh giá mức độ phù hợp trong các thay đổi đó, bài viết sẽ giới thiệu tiếp cận và kinh nghiệm của Hoa Kỳ, Nhật Bản và châu Âu trong việc sử dụng thủ tục thông báo sáp nhập. Cuối cùng, phần Kết

l luận sẽ tóm lược những phân tích của toàn bài với các nhận định, đánh giá, và gợi ý đối với Việt Nam về cách thức sử dụng hiệu quả thủ tục này trong kiểm soát sáp nhập theo Luật cạnh tranh.

## 2. Thông báo sáp nhập bắt buộc: Sự điều chỉnh của Luật Cạnh tranh năm 2018

Khác với phiên bản trước, LCT 2018 đã tách tiêu chí xác định vụ sáp nhập cần được thông báo với tiêu chí xác định vụ sáp nhập bị cấm. Đối với thủ tục thông báo, LCT 2018 dựa vào tổng tài sản, doanh thu của các bên sáp nhập hoặc giá trị của giao dịch hay cả tổng thị phần kết hợp. Theo đó, việc thông báo kế hoạch sáp nhập lên Ủy ban cạnh tranh quốc gia (UBCTQG) dựa theo một trong số các tiêu chí nói trên.<sup>7</sup>

Thực ra, bản dự thảo LCT sửa đổi thứ năm cũng đưa ra các chỉ số cụ thể trong từng tiêu chí.<sup>8</sup> Tuy nhiên, các thông số này đã được lược bỏ trong phiên bản cuối cùng trình lên Quốc hội sau đó. Kèm theo, nội dung này được chuyển vào quy định trong bản dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành LCT.<sup>9</sup> Tiếp cận này vì vậy được đánh giá là hợp lý khi yêu cầu về thủ tục thông báo sử dụng các thông số định lượng cụ thể hơn là các thông số mang tính chất định tính [10, p. 21]. Đáng chú ý là, các thông số này được tính toán dựa trên dữ liệu thực tế thu thập được từ các giao dịch sáp nhập trước đó ở Việt Nam [10, pp. 62–66] (Annex 1) và cả những tính toán cân trọng về chi phí tuân thủ [11]. Thực ra, chính những thông số này cũng đã có sự điều chỉnh ít nhiều so với những đề xuất đầu tiên trong các dự thảo đầu của LCT sửa đổi vì có không ít ý kiến cho rằng các mức giá trị được đưa ra thấp hơn nhiều so với những con số được phản ánh qua các giao dịch thực tế. Hay nói cách khác, nếu không được điều chỉnh, chính các thông số đó biến các tiêu chí thông báo thành những trở ngại trong quá trình thực thi pháp luật trong tương lai [12, p. 7].

<sup>7</sup> Điều 33 Luật Cạnh tranh 2018.

<sup>8</sup> Điều 33 Dự thảo Luật Cạnh tranh sửa đổi 2018 (phiên bản 5)

<sup>9</sup> Các quy định này được giữ lại trong Nghị định hướng dẫn thi hành vừa được ban hành. Xem. Dự thảo sau cùng Nghị

định hướng dẫn thi hành Luật Cạnh tranh, 6/2019 (Điều 13); Điều 13 Nghị định 35/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều Luật Cạnh tranh 2018 ngày 24/3/2020.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến tranh luận về những thay đổi nói trên trong quy định về thủ tục thông báo. Những tranh luận tập trung vào việc thiết kế các tiêu chí thông báo. Giữa việc lựa chọn tiêu chí về tổng doanh thu hay tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp, đa phần ý kiến đều thiên về phương án sử dụng tiêu chí thứ nhất với lý do là những khó khăn về việc định giá giá trị tài sản của doanh nghiệp có thể xuất hiện. Đặc biệt là, trong nhiều tình huống, một doanh nghiệp nhỏ có thể tạo ra nguồn doanh thu lớn và ngược lại [4, pp. 145–146]. Tương tự, năng lực tài chính của doanh nghiệp theo đó được đề nghị để sử dụng làm tiêu chí thông báo, đặc biệt là trong các vụ sáp nhập hỗn hợp [13, p. 5], khi mà tiêu chí tổng tài sản doanh nghiệp sáp nhập được yêu cầu sử dụng đồng thời với tiêu chí về doanh thu và giá trị giao dịch đối diện không ít ý kiến phản đối [14, p. 76].<sup>10</sup>

Rõ ràng, LCT 2018 đang có thiên hướng tiếp cận dần những phân tích kinh tế cho sự điều chỉnh trong quy định về thủ tục thông báo [15, p. 8]. Không riêng gì tiêu chí thị phần, thủ tục thông báo vẫn có thể được mở ra dựa trên những tiêu chí kinh tế phổ biến khác, như doanh thu của doanh nghiệp hay giá trị của giao dịch. Những thay đổi này vì vậy được kỳ vọng là có thể tạo ra những động lực kinh tế mới cho quá trình thực thi LCT 2018. Ít ra, chính các tiêu chí này đã mở ra cánh cửa để LCT có thể kiểm soát cả những sáp nhập theo chiều ngang và sáp nhập hỗn hợp [16, p. 38].

Cũng cần phải lưu ý thêm là hiện vẫn còn những ý kiến lo ngại về việc tiếp tục sử dụng thị phần làm tiêu chí thông báo sáp nhập. Hay nói cách khác, những trở ngại trong việc sử dụng tiêu chí này trong lịch sử vẫn còn tiếp diễn, đặc biệt là khi chúng vẫn là một trong số những tiêu chí được sử dụng để đánh giá tác động của vụ sáp nhập. Góp ý cho dự thảo của LCT sửa đổi, Liên đoàn luật sư Hoa Kỳ và Liên đoàn luật sư quốc tế đều cho rằng, đây là tiêu chí “cổ điển.” Thay vào đó, dựa theo đề xuất của Mạng lưới cạnh tranh toàn cầu, họ cho rằng, tiêu chí thông báo của vụ sáp nhập cần phải là “những bài kiểm tra

rõ ràng, dễ hiểu và dễ kiểm soát.” Trong khi đó, bài kiểm tra thị phần “không phù hợp để xác định liệu vụ sáp nhập có cần phải được thông báo hay không” [17].

### 3. Thông báo sáp nhập doanh nghiệp tại Hoa Kỳ

Thông báo tiền sáp nhập doanh nghiệp được chính thức áp dụng ở Hoa Kỳ từ năm 1976 bằng sắc luật Hart-Scott-Rodino Act (Luật HSR).<sup>11</sup> Theo đó, cả hai bên sáp nhập buộc phải thông báo vụ sáp nhập lên cơ quan cạnh tranh trước khi thực hiện. Thực chất, Luật HSR mang lại những điều chỉnh về mặt thủ tục rà soát sáp nhập hơn là những thay đổi về luật nội dung [18, p. 1716]. Đặc biệt, với sự hình dung ban đầu của Nghị viện nước này, thủ tục thông báo chính thức chuyển hướng hoạt động đánh giá tác động của vụ sáp nhập sang tìm kiếm nguy cơ gây hại tiềm ẩn sớm thay vì chỉ hướng đến quá trình đánh giá hậu kiểm (sau khi giao dịch đã được thực hiện) [18, p. 1725]. Thay thế cho Tòa án tối cao Hoa Kỳ, cơ quan duy nhất đưa ra các quyết định chính thức trong kiểm soát sáp nhập trước khi sắc luật được thông qua, cơ quan cạnh tranh, đặc biệt là Ủy ban thương mại lành mạnh liên bang (FTC) nghiêm nhiên có cơ hội rà soát vụ sáp nhập ngay từ bước vụ việc được thông báo. Theo nghiên cứu của William J. Kolasky và James W. Lowe, Tòa án tối cao Hoa Kỳ đã dùng đưa ra các “quyết định” (substantive decision) liên quan đến sáp nhập từ năm 1975, ngay trước lúc Luật HSR được thông qua [19, p. 892].

Tuy vậy, có khá nhiều tranh luận về những thay đổi về mặt nội dung trong quy định của luật sau đó. Như vừa nói, những ý kiến đầu tiên đều cho rằng Luật HSR chỉ mang lại những tác động lớn về mặt thủ tục hơn là những hàm ý trong điều chỉnh pháp luật về mặt nội dung [18, p. 1716]. Tuy nhiên, trên thực tế, thủ tục thông báo trước khi triển khai thực hiện vụ sáp nhập tự nó đã “cải biến nội dung rà soát sáp nhập” sau đó [18, p. 1725]. Kết quả, thủ tục thông báo làm thuyên

<sup>10</sup> Đề xuất số 6.10.

<sup>11</sup> Điều 18a Luật Hart-Scott-Rodino Antitrust 1976.

giảm thủ tục kiện tụng truyền thống, và điều này cũng làm gia tăng các khiếu nại từ phía các cơ quan cạnh tranh. Với phương thức đó, quy định mới chính thức mở ra thủ tục tiền kiểm trong kiểm soát sáp nhập lần thủ tục rút gọn trong áp dụng biện pháp khắc phục sáp nhập. Cuối cùng, chính sự hiện diện của biện pháp khắc phục sáp nhập doanh nghiệp tạo tiền đề thúc đẩy quá trình kiểm soát sáp nhập, đáng chú ý là quá trình đánh giá hiệu ứng của các biện pháp khắc phục, của các cơ quan cạnh tranh hiệu quả hơn [20, p. 2155]. Đương nhiên, người tiêu dùng sẽ là những người sau cùng thụ hưởng những lợi ích này [18, p. 1725]. Chính sự hiện diện những quy tắc này trong thủ tục thông báo sáp nhập, và những thay đổi sau đó, đã mang lại những tác động này.

Ở thời điểm bắt đầu, Luật HSR hướng đến mục tiêu kiểm soát các vụ sáp nhập lớn là các vụ vượt qua “một quy một hạn định” [18, p. 1716], [21, p. 54]. Điều đó cũng có thể được hiểu là các vụ sáp nhập “nhỏ hơn” không nằm trong phạm vi phong tỏa của sắc luật này. Tuy nhiên, các vụ sáp nhập có nguy cơ gây hại vẫn sẽ thuộc tầm ngắm ngay cả khi nó đòi hỏi một quá trình cấu trúc kéo dài trong vài năm sau đó [21, p. 54].

Ở thời điểm hiện tại, Luật HSR tập trung hướng đến những gì mà mục 7 Luật Clayton đã nêu ra, đó là các vụ sáp nhập có khả năng gây tác động tổn hại cạnh tranh. Vì vậy, thủ tục thông báo đã tồn tại với việc thiết kế tiêu chuẩn an toàn cho một số vụ sáp nhập [22, p. 3]. Điều chỉnh pháp luật ở những lĩnh vực cụ thể cũng có những quy định nói lỏng và khoan hồng (lenient) dựa theo những tiêu chí riêng đặt ra ở từng lĩnh vực đó [22, p. 6].

Ở Hoa Kỳ, FTC được trao quyền đưa ra những quy tắc và thủ tục cụ thể về thông báo sáp nhập doanh nghiệp.<sup>12</sup> Đơn cử, FTC sẽ đưa ra tiêu chí thông báo sáp nhập áp dụng cho mỗi năm. Tất cả các bên sáp nhập phải thông báo kế hoạch đó đến một trong hai cơ quan cạnh tranh ở Hoa Kỳ hiện nay là FTC hoặc Bộ Tư pháp (Ban kiểm soát cạnh tranh) nếu giao dịch đó không thuộc

trường hợp loại trừ sau khi được tiến hành ba bước kiểm tra: kiểm tra về tính chất thương mại, về độ lớn của giao dịch và về đối tượng thực hiện giao dịch [23].

Bài kiểm tra đầu xem liệu kế hoạch đó có tác động đến hoạt động thương mại ở Hoa Kỳ hay không. Theo luật pháp nước này, bất kỳ vụ sáp nhập nào được thực hiện ở trong nước hay có tác động đến hoạt động thương mại trong nước thì đều thuộc phạm vi phải thông báo. Hay nói cách khác, theo lý thuyết về hiệu lực xuyên biên giới (the extraterritorial effect doctrine) được áp dụng vào pháp luật kiểm soát sáp nhập ở Hoa Kỳ, cơ quan cạnh tranh thực hiện bài kiểm tra sẽ nhấn mạnh đến ảnh hưởng của vụ sáp nhập lên thị trường nội địa hơn là xem xét vị trí diễn ra thương vụ.

Bài kiểm tra thứ hai lưu ý giá trị tiền tệ của giao dịch. Thủ tục thông báo theo Luật HSR sẽ được áp dụng nếu như con số đó bằng hoặc vượt quá mức giá trị tính bằng đô la đã được FTC xác định. Đơn cử, báo cáo của FTC cho thấy, theo điều chỉnh của cơ quan này vào năm 2019, con số này cũng có thay đổi nhỏ [23].<sup>13</sup>

Theo đó, bài kiểm tra về đối tượng thực hiện giao dịch sẽ chỉ tiếp diễn khi giao dịch thỏa mãn điều kiện về “độ lớn” nhất định. Theo chuẩn mực được đưa ra năm 2019, giao dịch có giá trị trên 90 triệu đô la và không quá 359,9 triệu đô la. Với quy tắc Rule 801.1(a)(1), thì giao dịch này thỏa mãn bài kiểm tra thứ ba nếu như bên sáp nhập là “công ty mẹ cuối cùng của bên bán hoặc bên mua.” Có nghĩa, bước kiểm tra này đòi hỏi “người” tiến hành vụ sáp nhập phải là bên cuối cùng quản lý công ty sáp nhập hoặc công ty được sáp nhập.<sup>14</sup> Ngoài ra, với những tiêu chuẩn được áp dụng trong năm 2019, các vụ sáp nhập thuộc phạm vi giới hạn về kích cỡ giao dịch đều phải thông báo đến cơ quan cạnh tranh trong hai trường hợp khi bị xem xét về chính khả năng của bên tham gia thực hiện giao dịch. Một, ít nhất một bên sáp nhập có tổng tài sản hoặc tổng doanh số bán hàng (thuần) của năm đạt từ 180 triệu đô

<sup>12</sup> Phòng Thông báo sáp nhập của JFTC (PNO) đang thực hiện chức năng này.

<sup>13</sup> Xem thêm Luật CFR năm 2019, số 84 và số 42 ngày 4/3/2019.

<sup>14</sup> Điều 801.1 (a)(1) Luật CFR.

la. Và hai, con số này của bên còn lại đạt từ 18 triệu đô la. Cùng với việc thông báo vụ sáp nhập, các bên còn có nghĩa vụ không được triển khai vụ việc khi thời gian đợi rà soát (waiting period) chưa kết thúc. Đương nhiên, điều này cũng có nghĩa các bên trong vụ sáp nhập không buộc phải thông báo vụ việc nếu không đạt điều kiện hạn định về kích cỡ của giao dịch [23], [24].<sup>15</sup>

Tuy nhiên, quy định cũng đặt ra các trường hợp ngoại lệ. Có nghĩa, trong các trường hợp này, nghĩa vụ thông báo vụ việc trước khi thực hiện không cần phải thực hiện. Đáng chú ý là, quy định này áp dụng cho cả những giao dịch thỏa mãn điều kiện về kích cỡ giao dịch và đối tượng thực hiện giao dịch vừa nói ở trên. Các trường hợp ngoại lệ này được đề cập ngay trong Luật HSR và các quy tắc đã được đăng ký trong Bộ quy tắc CFR [24]. Quy định này phản ánh rõ hơn tiếp cận của Luật Clayton là sắc luật chỉ mong muốn kiểm tỏa các vụ sáp nhập có khả năng làm thuyên giảm cạnh tranh đáng kể. Cụ thể, luật này hướng đến kiểm soát các vụ sáp nhập có xu hướng độc quyền hoặc gây ra độc quyền trên thị trường. Do đó, các trường hợp ngoại lệ trong thông báo và rà soát sáp nhập hàm ý rằng các thương vụ sáp nhập trong những trường hợp đó “không có dấu hiệu vi phạm luật chống độc quyền” và vì vậy không cần phải truy xét [24].

Có thể nhận thấy, Hoa Kỳ sử dụng ba tiêu chí chủ đạo trong quy định về điều kiện tiến hành thủ tục thông báo. Các tiêu chí này bao gồm tổng tài sản, doanh thu (doanh số bán hàng) và giá trị của giao dịch. Đáng chú ý là mức thông số được xác định một cách linh hoạt, và được điều chỉnh dựa trên những biến chuyển thực tế của thị trường và nền kinh tế nội địa, đặc biệt là so với tổng sản phẩm quốc nội. Hơn thế nữa, việc mở ra phương thức điều chỉnh các con số cụ thể hàng năm của FTC cho thấy là các mức số này được tính toán hoàn toàn dựa trên những thay đổi về mặt giá trị trên thực tế trong những năm liền kề.

Thực chất, với những thay đổi về thủ tục qua sử dụng bước thông báo, Hoa Kỳ mong muốn giảm thiểu gánh nặng cho các hoạt động thương

mai trong thực thi pháp luật [18, p. 1716]. Rõ ràng, tiêu chuẩn về kích cỡ giao dịch góp phần giảm thiểu số lượng vụ việc cần phải được thông báo [18, pp. 1703–1704], đặc biệt là khi tiêu chuẩn đó thường xuyên được cập nhật dựa theo sự phản ứng năng động của nền kinh tế. Điều đáng nói là xu hướng tiếp cận này ngày càng trở nên phổ biến.

Điều này còn cho thấy Luật HSR cũng có khả năng mang lại những thay đổi về luật nội dung, kể cả bản chất của luật chống độc quyền. FTC không những triển khai thực hiện thủ tục thông báo sáp nhập mà còn đưa ra những thay đổi về mặt quy tắc khi tạo lập các thông số cho các tiêu chí thông báo. Rõ ràng, chính việc xác lập thông số và tiêu chí đã trở thành cơ sở pháp lý xác định hay loại trừ giao dịch sáp nhập cần phải thông báo và kiểm soát. Đặc biệt, tiếp cận này mở ra giai đoạn kiểm soát sáp nhập theo luật (Luật Clayton, Luật FTC, Luật HSR...), và con đường tranh tụng truyền thống từ common law đã được thay thế bởi “những nhận thức về pháp luật kiểm soát sáp nhập” [18, p. 1730], [25, p. 865], [26, p. 1698]. Tòa án, quan tòa vô tư và án lệ vì vậy không còn đóng vai trò chủ đạo trong quá trình “xây dựng pháp luật và quy tắc kiểm soát” [18, p. 1731], [27, p. 1400].

#### 4. Thông báo sáp nhập doanh nghiệp tại Nhật Bản

##### 1. Thông báo trước sáp nhập

Nhật Bản thông qua Luật Chống độc quyền, trong đó có nội dung điều chỉnh sáp nhập, từ năm 1949. Thủ tục thông báo cũng được áp dụng ngay từ thời điểm đó, nhằm tìm kiếm “sự hiện hữu của các zaibatsu” sớm nhất có thể [28, p. 97]. Thậm chí, thủ tục thông báo được giới thiệu ở Nhật Bản còn được đánh giá là cơ chế mở đường để các nước khác áp dụng sau này, như Đức vào năm 1973, Hoa Kỳ vào năm 1976, và Canada và EU vào những năm 1980s [18, pp. 1733–1734], [28, p. 97], [29, p. 398], [30, pp. 1146, 1154], [31], [32, pp. 79–80]. Tuy nhiên, ở

<sup>15</sup> The CFR (2019), Vol. 84, No. 42 / Notices at 7369.

thời điểm đó, thủ tục thông báo sáp nhập ở Nhật Bản không được khai thác trọn vẹn như sau này.

Thủ tục này yêu cầu thông báo vụ việc đối với tất cả các trường hợp mà không quan tâm đến độ lớn của giao dịch. Thực ra, thủ tục thông báo được đưa ra lúc bấy giờ là nhằm để quản lý và tái cấu trúc các giao dịch khi cần thiết [18, pp. 1733–1744]. Hay nói cách khác, thủ tục đó không làm thay đổi quá trình rà soát sáp nhập doanh nghiệp. Trong khi đó, thủ tục thông báo được xây dựng bởi Luật HSR “có ảnh hưởng thật sự đối với quá trình rà soát sáp nhập” như tiếp cận trước đó của đạo luật Clayton như đã nói [18, pp. 1725, 1733].

Một điểm đáng chú ý khác là thủ tục thông báo sáp nhập ở Nhật Bản ở thời điểm đó không áp dụng đối với hình thức mua lại cổ phiếu [33, p. 43]. Nhưng cũng cần lưu ý là rà soát sáp nhập vẫn diễn ra đối với giao dịch này, theo phương thức hậu kiểm [34, p. 80].<sup>16</sup> Tuy nhiên, khi Luật chống độc quyền Nhật Bản (JAA) sửa đổi có hiệu lực từ 1/1/2010, thủ tục thông báo cũng chính thức áp dụng đối với tất cả hình thức sáp nhập [35, p. 265], ngoại trừ các tình huống liên kết quản lý (interlocking directorates).<sup>17</sup> Vụ mua bán cổ phiếu đầu tiên đã mở ra bằng thủ tục thông báo sáp nhập là thương vụ giữa Varian và Agilent năm 2010 [36, p. 49].

Trên thực tế, Ủy ban cạnh tranh lành mạnh Nhật Bản (JFTC) không thể theo dõi đầy đủ tất cả các giao dịch. Vì vậy, pháp luật kiểm soát sáp nhập của Nhật Bản chỉ đặt ra nghĩa vụ thông báo trong một số tình huống. Nội dung quy định tại Phần IV của JAA cũng đã xác định điều kiện cụ thể để thông báo đối với từng loại giao dịch. JFTC cũng đã đưa ra những hướng dẫn cụ thể trong việc áp dụng các tiêu chí đó. Về cơ bản, tiêu chuẩn thông báo sáp nhập chủ yếu được thiết lập dựa vào quy mô và độ lớn của giao dịch cũng như các bên tham gia giao dịch đó. Nhưng trước hết, JAA sử dụng tiêu chí phổ biến trong thủ tục thông báo là “tổng doanh thu nội địa” làm tiêu chí chủ đạo cho mọi trường hợp cần phải thông

báo [37, p. 341]. Với một số hình thức sáp nhập cụ thể, Nhật Bản sử dụng thêm tiêu chí bổ sung, ví dụ như tiêu chí về quyền biểu quyết đối với hình thức mua lại doanh nghiệp. Tuy nhiên, sự khác biệt trong sử dụng các tiêu chí bổ sung là không lớn, và biểu đồ tiêu chuẩn thông báo sáp nhập nhìn chung không quá phức tạp, và vì vậy chúng rất dễ nhận biết và xác định trên thực tế.

Đáng chú ý là JAA đã đưa ra cơ chế thực thi hiệu quả đối với thủ tục này thông qua các hệ thống chế tài có thể được sử dụng. Thậm chí, các vi phạm về nghĩa vụ thông báo có thể được xem như vi phạm hình sự và mức hình phạt tiền có thể được áp dụng lên đến hai triệu yên. Hình phạt này cũng có thể xuất hiện trong tình huống các bên thông báo vụ sáp nhập cung cấp thông tin không chính xác, hoặc hoàn tất thương vụ trong khoảng thời gian chờ đợi (waiting period).<sup>18</sup> Dù vậy, cho đến nay JFTC chưa lần nào áp dụng các biện pháp chế tài này [38].

Trên thực tế, JFTC cũng không áp dụng biện pháp xử phạt đối với các doanh nghiệp không thông báo vụ sáp nhập, ngay cả khi vụ việc đó thuộc trường hợp phải thông báo trước khi thực hiện. Tuy nhiên, trong vụ sáp nhập giữa Toshiba Medical Systems Corporation (TMSC) và Canon vào năm 2016, JFTC xác định Cannon đã vi phạm nghĩa vụ này. Cụ thể, trước khi chính thức gửi hồ sơ thông báo sáp nhập, Cannon đã mua xong quyền chọn cổ phiếu (share options) của TMSC và trên thực tế quá trình thanh toán cho TMSC cũng đã được Cannon hoàn tất. JFTC cuối cùng khẳng định vụ sáp nhập nói trên không tác động đến cạnh tranh và vì vậy quyết định không áp dụng chế tài đối với vi phạm của các bên. Tuy nhiên, từ vụ việc này, JFTC cảnh báo rằng các bên trong những tình huống tương tự “phải tiến hành thông báo vụ sáp nhập đến JFTC trước khi thực hiện một phần giao dịch” [39, p. 107].

## 2. Thủ tục tham vấn

<sup>16</sup> JFTC phải chấp nhận vụ sáp nhập được thông báo và có thể sử dụng biện pháp khắc phục nếu vụ việc làm phát sinh các vấn đề về cạnh tranh khi được thực hiện.

<sup>17</sup> Điều 13 Luật Chống độc quyền của Nhật Bản năm 1947.

<sup>18</sup> Điều 10(8), 15(3), 15-2(4), và 15-3(3) Luật Chống độc quyền của Nhật Bản năm 1947.



Bên cạnh thủ tục thông báo tiền sáp nhập, Nhật Bản là quốc gia tiêu biểu sử dụng nhiều thủ tục tham vấn trước thông báo. Đây là thủ tục không bắt buộc và đương nhiên nằm ngoài nghĩa vụ thông báo sáp nhập nói trên. Cụ thể, các bên sáp nhập có thể tham vấn với JFTC sớm, ngay ở giai đoạn họ dự thảo hồ sơ thông báo.<sup>19</sup> Dựa trên những ý kiến của JFTC là liệu rằng hồ sơ thông báo được các bên chuẩn bị đã hoàn tất hay chưa để từ đó các bên có thể điều chỉnh và quyết định bước sang thủ tục thông báo chính thức [38], hay ít ra cũng nhận biết được những phương thức hiệu quả để chuyển sang thủ tục chính thức đó.<sup>20</sup> Đương nhiên, nội dung tư vấn của JFTC ở giai đoạn này không phải là những kết luận chính thức, và nó có thể được “rà soát và hiệu chỉnh lại sau khi được thông báo chính thức.”<sup>21</sup> Nhưng rõ ràng, chính sự tương tác này có vai trò quan trọng đối với các bước rà soát tiếp theo<sup>22</sup> và JFTC sẽ không phải mất nhiều thời gian để soát xét hồ sơ thông báo [40, p. 16].

Khá thú vị là các giao dịch nằm ngoài phạm vi phải thông báo, như liên kết quản trị, hay không đủ điều kiện buộc phải thông báo cũng có thể được sử dụng thủ tục tham vấn. Ngay cả khi tham vấn là thủ tục mang tính tự nguyện thì JFTC vẫn buộc phải đưa ra trả lời một khi các bên đã yêu cầu được tham vấn. Khác với kết quả rà soát sau thông báo, kết quả tham vấn đương nhiên không có giá trị ràng buộc đối với các bên.<sup>23</sup> Ngược lại, JFTC cũng có quyền đưa ra quyết định điều tra và rà soát vụ việc ngay cả khi các giao dịch đó nằm ngoài phạm vi phong tỏa của thủ tục thông báo. Hướng dẫn sáp nhập được cập nhật vào cuối năm 2019 đặc biệt nhấn mạnh quyền can thiệp này của JFTC.<sup>24</sup>

Những điều đó hé lộ rằng thủ tục tham vấn mang lại nhiều ý nghĩa đối với các bên liên quan,

đặc biệt là các doanh nghiệp tham gia sáp nhập. Các doanh nghiệp qua đó tiết kiệm được nhiều thời gian và tiền bạc, đặc biệt là với các tình huống mà vụ sáp nhập có thể được tuyên bố là không phù hợp pháp luật sau các bước rà soát chính thức sau đó [33, p. 44]. Trên thực tế, thủ tục tham vấn thông thường chỉ kéo dài không quá một tuần [38]. Hay nói cách khác, thông qua thủ tục tham vấn với mức độ tiên đoán cao, các bên sáp nhập có thể tránh được những rủi ro, và những tác động nguy hại của vụ sáp nhập [40, p. 16]. Vì vậy, các bên trong các giao dịch lớn hơn thường xuyên tiếp cận JFTC sớm [29, p. 398], và JFTC trên thực tế cũng luôn nỗ lực giúp các bên sử dụng nhiều hơn thủ tục tham vấn hiệu quả này [41], [42, p. 50].

Chính sách khuyến khích các bên gửi hồ sơ tham vấn chính thức cho JFTC xuất phát từ những nỗ lực gia tăng mức độ có thể dự đoán được (predictability) của luật đạt được từ năm 2002, thời điểm mà JFTC lần đầu tiên giới thiệu chính sách này.<sup>25</sup> Điều này cũng có nghĩa, thủ tục tham vấn xuất hiện trước khi thủ tục thông báo được áp dụng ở diện rộng và bắt buộc. Thậm chí, trên thực tế, JFTC cũng đã có lịch sử lâu dài sử dụng thủ tục tham vấn phi chính thức trước khi thủ tục này chính thức được khuyến nghị sử dụng cho tất cả các vụ việc sáp nhập [43, p. 288]. Khá ấn tượng là, thủ tục tham vấn sớm cũng đã từng được sử dụng như một bước chính thức và chấm dứt vào năm 1969 với vụ việc cuối cùng là thương vụ sáp nhập giữa *Yawata Iron & Steel Co.* và *Fuji Iron & Steel Co.* [43, p. 288]. Tuy nhiên, sau vụ việc rà soát đó, JFTC tiếp tục duy trì mô hình tham vấn như một bước phi chính thức, và chính điều này đã gây ra không ít tranh luận. Có ý kiến cho rằng, thủ tục rà soát sáp nhập của JFTC khi đó trái với nguyên tắc pháp lý cơ

<sup>19</sup> Mục 2 Các chính sách của JFTC về các thủ tục rà soát vụ việc sáp nhập doanh nghiệp, 2011.

<sup>20</sup> Mục 2 Các chính sách của JFTC về các thủ tục rà soát vụ việc sáp nhập doanh nghiệp, 2011.

<sup>21</sup> Mục 2 Các chính sách của JFTC về các thủ tục rà soát vụ việc sáp nhập doanh nghiệp, 2011.

<sup>22</sup> Mục 2 Các chính sách của JFTC về các thủ tục rà soát vụ việc sáp nhập doanh nghiệp, 2011.

<sup>23</sup> Mục 6 Các chính sách của JFTC về các thủ tục rà soát vụ việc sáp nhập doanh nghiệp, 2011.

<sup>24</sup> Mục 6.2 Các chính sách của JFTC về các thủ tục rà soát vụ việc sáp nhập doanh nghiệp, 2011.

<sup>25</sup> Policies Dealing with Prior Consultation Regarding Business Combination Plans, 2002.

bản về kiểm soát sáp nhập được định vị tại JAA là quy trình đó phải được thực hiện thông qua việc đệ trình chính thức của các bên [35, pp. 195 - 196], [44, p. 133], [45, p. 282].

Các ý kiến thảo luận về thủ tục tham vấn gia tăng ngay cả khi nó tiếp tục duy trì ở hình thức không chính thức. Khó phủ nhận rằng JFTC có nhiều lợi thế để soi xét vụ việc qua bước này, điển hình như họ có thể linh hoạt thẩm định hồ sơ mà không chịu áp lực do giới hạn về mặt thời gian. Thậm chí, cũng có ý kiến nhấn mạnh rằng, JFTC sử dụng bước này như một cách lảng tránh trách nhiệm phải đưa ra kết luận chính thức về vụ việc. Việc JFTC chỉ mong muốn áp dụng thủ tục này vì vậy còn gây trở ngại trong việc xây dựng các “án lệ” vì thiếu vắng các quyết định chính thức về các vụ việc [34, p. 38], [46, pp. 27, 87].

Những nghi ngại về thiếu minh bạch trong thủ tục tham vấn cũng là vấn đề được chú ý. Đáp lại, JFTC quyết định công bố công khai các ý kiến đánh giá của họ. Dù vậy, nội dung tham vấn phi chính thức không thể trở thành đối tượng để khiếu nại và khởi kiện, ngay cả khi nó có sai sót [43, p. 288]. Các đề nghị JFTC cần sử dụng thủ tục rà soát sáp nhập chính thức vì vậy vẫn tồn tại. Cho dù thế nào thì nhu cầu chính yếu vẫn là quá trình kiểm soát sáp nhập cần “bảo đảm công bằng về mặt thủ tục” và “gia tăng tính minh bạch và khả năng tiên đoán được” về những phát hiện của JFTC ngay cả với thủ tục tham vấn [40, p. 17].

JFTC vì vậy không ngừng nỗ lực tăng cường tính minh bạch cho thủ tục này. Kết quả đầu tiên là những điều chỉnh trong “chính sách sử dụng thủ tục tham vấn sớm các vụ sáp nhập doanh nghiệp” vào năm 2006 và 2007. Tuy nhiên, với lần điều chỉnh đó, thủ tục tham vấn được định vị là một thủ tục chính thức đi cùng với hai bước rà soát sáp nhập chính.<sup>26</sup> Ví dụ, trong vụ liên doanh giữa BHP Billiton và Rio Tinto vào năm 2010, JFTC đã phải trải qua hai bước rà soát để đưa ra

lời tham vấn cho các bên. Từ đó, các bên đã quyết định rút lại kế hoạch sáp nhập và kết thúc vụ việc mà không cần đến quyết định cuối cùng của JFTC [36, pp. 1 - 2]. Tuy nhiên, cũng có một lý do khác là các bên, và cả JFTC, không thể tìm được biện pháp khắc phục hiệu quả để không chế nguy cơ gây hại của giao dịch.

Đối diện với những áp lực cần phải thay đổi từ các luật gia, JFTC không ngừng hướng đến kiến tạo một quy trình thật sự minh bạch như đã nói.<sup>27</sup> Phương thức chính thức sử dụng thủ tục tham vấn được loại bỏ từ năm 2011 [35, p. 272], [47, p. 133]. Thủ tục tham vấn từ thời điểm đó quay lại với mô hình phi chính thức<sup>28</sup> và có thể gây ra không ít trở ngại cho quá trình rà soát sáp nhập, đặc biệt là với các vụ sáp nhập xuyên biên giới, như ý kiến của nhiều chuyên gia tư vấn pháp lý [48, p. 261]. Tuy nhiên, trên thực tế thì các bên vẫn thường xuyên tham vấn trước với JFTC trước khi bước đến thủ tục thông báo chính thức, và trên thực tế JFTC đã rất linh hoạt sử dụng thủ tục tham vấn này tương tự như trước đây để trao đổi với các bên [44, p. 133]. Đặc biệt, JFTC, với một thủ tục không chính thức, đã mở ra cho các bên sáp nhập những cơ hội để khắc phục hoặc rút lại thương vụ sáp nhập như đã từng được thấy trong vụ việc giữa BHP Billiton và Rio Tinto năm 2010.

Không khó để tìm kiếm các vụ việc mà các bên đã tìm đến tham vấn với JFTC từ sau những cải cách năm 2011. Trong vụ việc mua lại Viviti Technologies của Western Digital Ireland vào năm 2011, Western Digital Ireland đã tự nguyện tham vấn sớm quan điểm của JFTC trước khi đệ trình hồ sơ thông báo chính thức vào tháng 6 năm 2011 [49, pp. 57–58]. Thậm chí, nếu cho rằng vụ việc này không đáng để minh họa vì chỉ ít nó cũng xảy ra đồng thời với diễn tiến biến đổi của thủ tục, và các bên đã có sự thay đổi chuyển hướng sử dụng thủ tục thông báo sau đó, thì có thể chỉ ra không ít các vụ việc khác ở những năm

<sup>26</sup> Xem thêm Policies Dealing with Prior Consultation Regarding Business Combination Plans (phiên bản ban hành năm 2006 và 2007).

<sup>27</sup> Theo kiến nghị tại diễn đàn mở công khai, JFTC thay đổi chính sách này để tăng cường tính minh bạch vào năm 2011.

Xem Partial Amendment of the JFTC Reviews of Business Combination Regulations 2011 của JFTC.

<sup>28</sup> The JFTC’s policies on prior consultation và The JFTC’s merger review procedure.

tiếp theo làm minh chứng. Ví dụ, đó là vụ việc giữa Yamada-Denki và Best Denki năm 2012 [50, p. 83], vụ mua lại cổ phiếu của C&H Co. của Daiken Corporation năm 2012 [50, p. 1], hoặc vụ sáp nhập giữa Zimmer Inc. và Biomet Inc. năm 2014 [51, p. 63].

## 5. Thông báo sáp nhập doanh nghiệp tại Liên minh châu Âu

Tương tự, Liên minh châu Âu (EU) sử dụng thủ tục thông báo bắt buộc nhằm đảm bảo hiệu quả kiểm soát sáp nhập ngay từ Quy chế pháp lý đầu tiên được ban hành năm 1989.<sup>29</sup> Theo đó, thủ tục thông báo, và quy trình đưa ra quyết định của Ủy ban châu Âu, đều phải diễn ra trong khoảng thời gian hạn định. Biện pháp chế tài cũng được đưa ra khi các bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo, bao gồm cả việc đệ trình hồ sơ chậm hay cung cấp thông tin không đúng [52, p. 198]. Đương nhiên, quy định này phản ánh tiếp cận khác biệt của EU so với quy chế pháp lý trước đó, khi mà Ủy ban châu Âu hoàn toàn không có quyền yêu cầu các bên sáp nhập thông báo trước vụ việc [37, p. 337].

Điều đáng nói là tiếp cận này được EU duy trì cho đến nay. Với “cơ chế bắt buộc trong thông báo trước (ex-ante) vụ việc” đó, bên sáp nhập được xác định phải thông báo vụ việc đến Ủy ban châu Âu “trước khi thực hiện” vụ sáp nhập [53, p. 60].<sup>30</sup> Cụ thể, các bên phải tiến hành thông báo ngay sau khi các bên thống nhất thỏa thuận vụ sáp nhập, quyết định nắm quyền kiểm soát hoặc ngay cả khi quyết định chào mua công khai được công bố. Ví dụ, trong vụ việc sáp nhập *Cargill/ADM Chocolate Business* (2015), các bên đã thông báo vụ việc lên Ủy ban cùng với Thỏa thuận mua lại về mặt nguyên tắc.<sup>31</sup> Thú vị là, pháp luật châu Âu cũng áp dụng cơ chế

“thông báo sớm” khi các bên mới có ý định sáp nhập. Đơn cử, sự việc này có thể xảy ra ngay cả khi các doanh nghiệp mới có ý định chào mua, hoặc với “một ý định rõ ràng để tiến tới thỏa thuận (mua lại)”<sup>32</sup>.

Điểm pháp lý quan trọng là, với Quy chế sáp nhập năm 1989, thời điểm để các bên thông báo là thời điểm mà các bên thỏa thuận xong kế hoạch sáp nhập, thay vì nhấn mạnh thời điểm trước khi thực hiện như tiếp cận ở các nước khác. Quy chế còn nhấn mạnh rằng, các bên không được thông báo vụ việc chậm hơn một tuần kể từ ngày thống nhất xong kế hoạch.<sup>33</sup> Như phân tích ở trên về pháp luật kiểm soát sáp nhập của Hoa Kỳ và Nhật Bản, thủ tục thông báo có vai trò lớn định hình cơ chế tiền kiểm sáp nhập mà theo đó cơ quan cạnh tranh có thể tìm kiếm cũng như khắc phục ngay tức khắc các mối nguy hại có thể được tạo ra bởi chính vụ sáp nhập. Ý nghĩa này cũng được phản ánh qua pháp luật kiểm soát sáp nhập của châu Âu từ chính nhu cầu đặt ra thủ tục thông báo trước. Ở góc độ đó, so với Quy chế sáp nhập năm 1989, những thay đổi trong Quy chế sáp nhập ban hành năm 2004 vì vậy tiếp tục góp phần tạo ra một thủ tục thông báo sáp nhập hiệu quả hơn và ảnh hưởng tích cực hơn đến các bước tiền kiểm sáp nhập tiếp theo [54, p. 38].

Với yêu cầu hiện tại, các vụ sáp nhập cần phải thông báo khi thuộc vào các trường hợp được luật quy định. Pháp luật châu Âu đặt ra tiêu chí thông báo dựa trên tiêu chuẩn về tổng doanh thu của doanh nghiệp sáp nhập trong từng tình huống cụ thể. Các thông số này có thể được tính toán theo phạm vi quốc gia, liên minh hoặc thậm chí là toàn cầu.<sup>34</sup> Bỏ qua tình huống có quá nhiều thông số về doanh thu đối với một số lượng lớn các bên tham gia trong một vụ sáp nhập cụ thể, có vẻ như Quy chế pháp lý của châu Âu chỉ sử dụng một tiêu chí thông báo duy nhất như đã từng được sử dụng từ thời điểm bắt đầu Quy chế

<sup>29</sup> Điều 4 Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 4064/1989 của Hội đồng Châu Âu năm 1989.

<sup>30</sup> Đoạn 34 và Điều 4 (1) Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 139/2004 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

<sup>31</sup> Đoạn 5-9 Phán quyết vụ *Cargill/ADM Chocolate Business*. 2015.

<sup>32</sup> Điều 4.1. Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 139/2004 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

<sup>33</sup> Điều 4.1 Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 4064/1989 của Hội đồng Châu Âu năm 1989.

<sup>34</sup> Điều 1(2)-(3) và Điều 5(1) Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 139/2004 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

sáp nhập cũ.<sup>35</sup> Kết quả, các trường hợp ngoại lệ không cần phải thông báo vụ việc được áp dụng khi mà một thông số tổng doanh thu của một bên sáp nhập không được thỏa mãn như yêu cầu.<sup>36</sup>

Bù lại, pháp luật châu Âu phân định rõ người có nghĩa vụ thông báo vụ việc đến Ủy ban châu Âu. Điều này tùy thuộc vào từng nhóm giao dịch trong số hai nhóm được xác định sau đây: Các bên thông báo riêng lẻ hoặc cùng nhau thông báo. Cụ thể, các công ty tham gia vụ sáp nhập cùng nhau thông báo vụ việc khi các bên trong vụ sáp nhập đó là các bên hoàn toàn độc lập hoặc độc lập một phần, hoặc đối với một số vụ mua lại mà một hoặc nhiều bên đã kiểm soát ít nhất một bên còn lại hay là vụ mua lại tài sản hoặc cổ phiếu... nhằm kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp một phần hay toàn bộ một hoặc nhiều bên khác.<sup>37</sup> Trong các trường hợp còn lại, bên giành quyền kiểm soát một phần hoặc toàn bộ các bên khác cần phải độc lập tiến hành thông báo.<sup>38</sup>

Về nguyên tắc, tất cả các thông báo sẽ được công bố công khai. Ủy ban châu Âu phải thông tin cả các vấn đề cụ thể khi khẳng định giao dịch đó thuộc trường hợp phải thông báo. Nội dung thông tin cũng cần phản ánh tên của bên tham gia vụ việc, quốc gia, bản chất của vụ việc và lĩnh vực kinh tế liên quan. Thách thức quan trọng đối với Ủy ban châu Âu là vừa phải tiến hành công bố công khai thông tin vụ việc vừa phải bảo toàn nội dung thuộc bí mật kinh doanh của các bên.<sup>39</sup>

Đương nhiên, thủ tục thông báo trước vụ việc có ảnh hưởng lớn đến toàn quá trình rà soát vụ việc sau này. Tuy nhiên, việc bảo đảm đầy đủ các nội dung cụ thể cần được khai báo trong hồ sơ thông báo<sup>40</sup> có thể sẽ phải tiêu tốn không ít thời gian và chi phí [55, p. 1124]. Trong trường hợp

các bên đệ trình hồ sơ có “thông tin không đầy đủ,” ngày được tính thời điểm mở thủ tục rà soát sẽ được kéo dài cho đến khi nội dung đệ trình được cập nhật hoàn chỉnh.<sup>41</sup>

Đáng chú ý là, thủ tục “trước” thông báo có thể được sử dụng. Theo pháp luật kiểm soát sáp nhập châu Âu, các bên trước hết có thể tiến hành tham vấn sớm trước khi đệ trình hồ sơ thông báo chính thức. Đây là thủ tục tạo ra kênh thảo luận độc lập giữa các bên và Ủy ban châu Âu, đặc biệt là về các thông tin cần phải được đệ trình trong hồ sơ thông báo hoặc là các vấn đề cần phải được hoàn tất trong bộ hồ sơ này [53, p. 61], [56, pp. 5–9]. Trên thực tế, Ủy ban châu Âu xem xét các nội dung tham vấn này nhiều nhất là trong năm ngày [56], [57, p. 466].

Thủ tục “trước” thông báo sáp nhập có tính kinh tế này vì vậy giúp các bên giảm thiểu chi phí và các gánh nặng không cần thiết [55, p. 1124], [56] at 5-9. Quan trọng hơn, thủ tục này có thể chỉ ra các vấn đề pháp lý nảy sinh từ vụ việc. Đặc biệt, với các nội dung yêu cầu và giải trình trong bản RS (the reasoned submission form) [58],<sup>42</sup> bên thông báo có thể yêu cầu cơ quan cạnh tranh xem xét vụ việc chuyển giao hồ sơ rà soát cho bên phù hợp tiến hành (cơ quan cạnh tranh các nước có thể chuyển giao cho Ủy ban châu Âu hoặc ngược lại). Các báo cáo về vụ việc theo đó sẽ chỉ kết thúc sau khi quá trình chuyển giao này, nếu có, kết thúc.<sup>43</sup>

## 6. Kết luận

Có thể nhận thấy, các hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, Nhật Bản, châu Âu và cả Việt Nam đều sử dụng thủ tục thông báo sáp nhập doanh nghiệp

<sup>35</sup> Điều 1 Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 4064/89 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

<sup>36</sup> Điều 1(2)-(3) Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 139/2004 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

<sup>37</sup> Điều 4(2) và Điều 3(1). a và b Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 139/2004 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

<sup>38</sup> Điều 4(1) Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 139/2004 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

<sup>39</sup> Điều 4(3) và Điều 17(2) Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 139/2004 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

<sup>40</sup> Được giới thiệu và làm rõ bởi Quy định số 802/2004 của Hội đồng châu Âu năm 2004 về thực thi Quy định kiểm soát sáp nhập.

<sup>41</sup> Điều 10(1) Quy định về kiểm soát sáp nhập số No 139/2004 của Hội đồng Châu Âu năm 2004.

<sup>42</sup> Được thiết lập bởi Quy định số 802/2004 của Hội đồng châu Âu về thực thi Quy định kiểm soát sáp nhập.

<sup>43</sup> Điều 4 (4) Quy định 139/2004 của Hội đồng Châu Âu về kiểm soát sáp nhập.

bắt buộc cho dù trên thực tế có không ít quốc gia sử dụng cơ chế tự nguyện [59, p. 10]. Đáng chú ý là có nhiều bằng chứng cho thấy châu Âu cũng có những tiếp cận tương tự như Hoa Kỳ cho dù hệ thống pháp luật này đã từng sử dụng thủ tục thông báo đối với các vụ cartel trước cả Hoa Kỳ [30, pp. 1155–1156].<sup>44</sup> Đặc biệt, các quốc gia đều sử dụng các tiêu chí tương tự nhau cho thủ tục này. Về cơ bản, các nước sử dụng thông số tổng doanh thu của doanh nghiệp làm tiêu chí chủ đạo, và sử dụng bổ sung chỉ số tập trung thị trường (HHI), tỷ lệ tập trung thị trường (CR) hay thậm chí chỉ là thị phần để xác định phạm vi an toàn cho các vụ sáp nhập.

Với LCT 2004 và LCT 2018, Việt Nam tăng cường phạm vi rà soát sáp nhập, không chỉ từ phương thức hậu kiểm mà còn mở rộng ra phương thức tiền kiểm. Đây là phương thức phản ánh hướng tiếp cận ngăn chặn nguy cơ gây hại của vụ sáp nhập ngay từ lúc mới nguy hại đó vừa mới phôi thai như Hoa Kỳ [60]. Hướng tiếp cận này đã thu hút sự chú ý giới học thuật và nhiều chuyên gia đã tham gia phân tích và đánh giá. Các ý kiến đã nhận biết tầm quan trọng trong việc xem xét nguy cơ tạo ra sức mạnh và thống lĩnh thị trường của vụ sáp nhập để từ đó nhận biết tác động tiềm ẩn của thương vụ cả ở tác động đơn phương lẫn kết hợp. Vì vậy, luật kiểm soát sáp nhập có những can thiệp với “mục đích phòng ngừa và ngăn chặn tác động phản cạnh tranh nhằm đảm bảo môi trường và tiến trình cạnh tranh” trên thị trường, ngay cả khi việc thực hiện vụ sáp nhập được ghi nhận là quyền của doanh nghiệp ngay từ đầu [61, p. 34]. Điều này có nghĩa, UBCTQG cần phải xem xét là liệu khả năng gây nguy hại của vụ sáp nhập có xuất hiện trong tương lai hay không và chính điều này cho thấy sự cần thiết phải áp dụng cơ chế tiền kiểm thay vì hậu kiểm trong kiểm soát sáp nhập như các nước. Đương nhiên, thủ tục hậu kiểm vẫn cần duy trì tiếp tục cho các vụ sáp nhập vi phạm nghĩa vụ thông báo [61, pp. 34–35], [62, p. 60].

Không dừng lại ở việc được phản ánh trong các quy định của LCT 2018, tiếp cận này cần tiếp tục được tăng cường, đặc biệt là thông qua việc nâng cao hiệu quả trong thực thi thủ tục thông báo sáp nhập sớm và cả vai trò của quá trình thẩm định vụ việc sau đó. Thậm chí, đối với thủ tục thông báo, cần phải nhận biết rằng đây là bước để có thể áp dụng hiệu quả các biện pháp “hiệu chỉnh khi cần thiết” [59, p. 10]. Bỏ qua cách thức xử lý hệ quả nguy hại của các vụ sáp nhập, mục tiêu của Nhật Bản khi đưa ra thủ tục này từ năm 1949 có thể minh họa tiếp cận đó. Bên cạnh đó, Việt Nam cần bổ sung các hướng dẫn chi tiết để có thể áp dụng hiệu quả các tiêu chí thông báo. Hơn hết là Việt Nam cần thúc đẩy tiến trình giảm thiểu chi phí tuân thủ như những gì đã và đang thực hiện.

Điểm chú ý quan trọng là Việt Nam đã và đang sử dụng cơ chế thông báo bắt buộc như các nước. Cơ chế này vì vậy góp phần tăng phúc lợi xã hội trong điều chỉnh pháp luật lẫn sự chắc chắn của qui trình rà soát sáp nhập ngay cả khi thủ tục thông báo tự nguyện cũng có thể góp phần làm giảm thiểu chi phí phối hợp giữa các bên và cơ quan cạnh tranh [59, p. 19]. Tuy nhiên, đề xuất áp dụng cơ chế tham vấn tự nguyện cũng cần được lưu tâm nhằm giảm thiểu chi phí của thủ tục thông báo như cách thức mà Nhật Bản đang sử dụng. Cách thức thông báo trước các vụ sáp nhập như châu Âu cũng có thể được xem là kinh nghiệm tương tự.

Như đã đề cập, nhiều công ty trước đây đã chủ động tham vấn Cục QLCT cho kế hoạch sáp nhập của họ dù rằng đây không phải là bước bắt buộc phải thực hiện. Đáng chú ý, Cục QLCT luôn sẵn sàng đưa ra phản hồi, tư vấn và hướng dẫn. Nói chung, chính điều này mang lại nhiều ích lợi cho các bên có liên quan và cuối cùng là cho quá trình rà soát sáp nhập hiệu quả hơn. Hơn nữa, đây là thủ tục “tự nguyện,” và các bên tự họ quyết định là có sử dụng hay không. Việc ghi nhận và sử dụng thủ tục tham vấn vì vậy không hàm ý sẽ tước bỏ thủ tục thông báo. Một lần nữa,

<sup>44</sup> Có thể nhận thấy châu Âu đã tiếp cận phương thức của Hoa Kỳ ngay cả khi các quốc gia châu Âu đã từng áp dụng thủ tục thông báo đối với các vụ cartel trước cả Hoa Kỳ.

cần nhắc lại kinh nghiệm của Nhật Bản để thấy rằng, thủ tục này nhằm góp phần giúp các bên sáp nhập đưa ra các quyết định sớm hơn, và cũng giúp cơ quan cạnh tranh phải đối diện với nguy cơ quá tải vì có quá nhiều vụ sáp nhập được thông báo đến.

### Tài liệu tham khảo

- [1] VCA, “Báo cáo tập trung kinh tế năm 2012 [Report on economic concentration activities 2012],” VCA, Hanoi, Sep. 2012.
- [2] N. N. Phat and N. N. Son, “Thủ tục thông báo tập trung kinh tế theo Luật cạnh tranh năm 2004: Khả năng thực thi và định hướng hoàn thiện [The economic concentration’s notification process in the Vietnamese competition law 2004 and orients to improvements],” *Legal Science Journal, Vietnam*, vol. 2, pp. 10-19, 2012.
- [3] T. Duso, K. Gugler, and B. Yurtoglu, “EU Merger Remedies: A Preliminary Empirical Assessment,” *Wissenschaftszentrum Berlin, Berlin, CIG Discussion Paper SP II 2005-16, Wissenschaftszentrum Berlin, Berlin (WZB)*, Sep. 2005.
- [4] VCA and JICA, “Báo cáo rà soát các quy định của Luật cạnh tranh Việt Nam [Review report on Vietnamese Competition Law],” VCA & JICA, Vietnam, Oct. 2012.
- [5] B. N. A. Tuan, “Hướng tới kiểm soát tập trung kinh tế hiệu quả ở Việt Nam [Towards the effective merger control in Vietnam],” *Law Science Information (Institution of Law Science, Ministry of Justice)*, vol. XXXIV, no. 3, pp. 35-44, Mar. 2017.
- [6] VCA, “Báo cáo tập trung kinh tế năm 2014 [Report on economic concentration activities 2014],” VCA, Hanoi, Apr. 2015.
- [7] VCA, “Báo cáo tập trung kinh tế Vietnam: Hiện trạng và dự báo [Report on the Economic Concentration in Vietnam: The Position and Future Aspects],” VCA, Hanoi, Jan. 2009.
- [8] M. Long, “Bước ngoặt mới cho thị trường mua bán sáp nhập Việt Nam [A new room for M&A market in Vietnam],” *Báo Công Thương điện tử, Hanoi*, Aug. 08, 2018. Accessed: Jul. 27, 2019. [Online]. Available: <https://congthuong.vn/buoc-ngoat-moi-cho-thi-truong-mua-ban-sap-nhap-viet-nam-107087.html>
- [9] VCA, “Báo cáo thường niên 2010 [Vietnam Competition Authority Annual Report in 2010],” VCA, Hanoi, 2011.
- [10] VN MOIT, “Bản thuyết minh chi tiết dự thảo Luật cạnh tranh sửa đổi [Detailed Notes Of The draft of the Revised Competition Law].” VN MOIT, 2017.
- [11] VN MOIT, “Biểu đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính: Thủ tục thông báo sáp nhập [The measuring schedule of compliance costs with the administrative procedures: The merger notification process].” VN MOIT, 2017.
- [12] IBA, “Submission to the Vietnam Competition Authority regarding its draft competition law,” Jun. 20, 2017. Accessed: Jul. 21, 2019. [Online]. Available: <https://www.ibanet.org/LPD/Antitrust-Section/Antitrust/WorkingGroupSubmissions.aspx>
- [13] VNA Economic Committee, “Một số vấn đề lớn trong giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật Cạnh tranh sửa đổi (No. 897/BC-UBKT14) [Some major issues in the explanation, adoption, and adjustment of the revised Competition Law (No. 897/BC-UBKT14)],” *Vietnam National Assembly, Hanoi*, No. 897/BC-UBKT14, Mar. 2018.
- [14] OECD, “OECD Peer Review of Competition Law and Policy: Vietnam.” OECD, 2018.
- [15] VN Central Government, “Tờ trình về dự án Luật Cạnh tranh sửa đổi (Số 377/TTr-CP) [The bill of the revised Competition law project (No. 377/TTr-CP)],” VN Central Government, Hanoi, No. 377/TTr-CP, Sep. 2017.

- [16] P. H. Huan, “Các tiêu chí đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh trong tập trung kinh tế [Criteria for evaluating economic concentration’s competition restriction],” *The Legislative Studies, Vietnam*, vol. 15(343), pp. 37-43, 56, 2017.
- [17] ABA, “Comments of the ABA Sections of Antitrust Law and International Law on the Draft Competition Law of the SR of Vietnam,” May 24, 2017. Accessed: Jul. 19, 2019. [Online]. Available: [https://www.americanbar.org/news/abanews/aba-news-archives/2017/06/aba\\_sections\\_comment/](https://www.americanbar.org/news/abanews/aba-news-archives/2017/06/aba_sections_comment/)
- [18] G. Howell, “Why Premerger Review Needed Reform - And Still Does,” *William & Mary Law Review*, vol. 43, no. 4, pp. 1703-1745, 2002.
- [19] W. J. Kolasky and J. W. Lowe, “The merger review process at the Federal Trade Commission: Administrative efficiency and the rule of law,” *Administrative Law Review*, vol. 49, no. 4, pp. 889-914, 1997.
- [20] J. C. Strock, “Setting the Terms of a Break-Up: The Convergence of Federal Merger Remedy Policies,” *William & Mary Law Review*, vol. 53, no. 6, pp. 2147-2179, 2012.
- [21] S. A. Sher, “Closed But Not Forgotten: Government Review of Consummated Mergers Under Section 7 of the Clayton Act,” *Santa Clara Law Review*, vol. 45, no. 1, pp. 41-98, 2004.
- [22] D. W. Carlton, “Revising the Horizontal Merger Guidelines,” *Jnl of Competition Law & Economics*, vol. 6, no. 3, pp. 619-652, Sep. 2010, doi: 10.1093/joclec/nhq007.
- [23] FTC, “Steps for Determining Whether an HSR Filing is Required.” FTC, Jul. 23, 2013.
- [24] FTC, “The HSR’s Introductory Guide II: To File or Not to File When You Must File a Premerger Notification Report Form.” FTC, Sep. 2008.
- [25] J. Sims and D. P. Herman, “The Effect of Twenty Years of Hart-Scott-Rodino on Merger Practice: A Case Study in the Law of Unintended Consequences Applied to Antitrust Legislation,” *Antitrust L.J.*, vol. 65, p. 865, 1997-1996.
- [26] D. Gifford, “The Jurisprudence of Antitrust,” *SMU Law Review*, vol. 48, pp. 1677-1711, 1995.
- [27] S. W. Waller, “Prosecution by Regulation: The Changing Nature of Antitrust Enforcement,” *Oregon Law Review*, vol. 77, pp. 1383-1540, 1998.
- [28] E. Kameoka, *Competition Law and Policy in Japan and the EU*. Edward Elgar Publishing, 2014.
- [29] M. Kurita, “Effectiveness and Transparency of Competition Law Enforcement: Causes and Consequences of a Perception Gap Between Home and Abroad on the Anti-Monopoly Act Enforcement in Japan,” *Washington University Global Studies Law Review*, vol. 3, no. 2, pp. 387-404, Jan. 2004.
- [30] W. Blumenthal and S. Dnes, “The Accidental Conception of Multijurisdictional Merger Review,” *Geo. Mason L. Rev.*, vol. 21, no. 5, pp. 1145-1167, 2014.
- [31] Kojima, “Merger control in Japan: its history, realities and future,” presented at the Deputy Secretary General for Economic Affairs, Secretariat, JFTC, Jun. 27, 2005. Accessed: Oct. 22, 2019. [Online]. Available: <http://dl.ndl.go.jp/info:ndljp/pid/1254852>
- [32] J. O. Haley, *Antitrust in Germany and Japan: The First Fifty Years, 1947-1998*. Seattle: University of Washington Press, 2001.
- [33] S. Hayashi, “Merger Regulation in the Antimonopoly Law,” *Japan, Nagoya University Journal of Law and Politic*, No. 244, 21-117 19730046, Jul. 2008.
- [34] M. Murakami, *The Japanese Antimonopoly Act (Nihon no Dokusen kinshihō)*. Japan: Tōkyō: Shōji Hōmu, 2003.
- [35] Inoue, *Antitrust Enforcement in Japan: History, Rhetoric and Law of the Antimonopoly Act*. Japan: Dai Ichi Hoki Co., Ltd., 2012.

- [36] JFTC, "Report on Major Merger Cases in FY 2010," Tokyo, Japan, Jun. 2011.
- [37] V. Korah, *An Introductory Guide to EC Competition Law and Practice*, Eight Edition. Hart Publishing (Oxford - Portland Oregon), 2004.
- [38] Nishimura & Asahi, "Japan law and practice: Merger control." Chambers and Partners, 2019.
- [39] JFTC, "Report on Major Merger Cases in FY 2016," Tokyo, Japan, Jun. 2017.
- [40] U. Akinori, "Where Japanese Competition Policy is going: Prospect and Reality of Japan," presented at the Fordham Corporate Law Institute The 31st Annual Conference on International Antitrust Law and Policy, Fordham Corporate Law Institute, New York, Oct. 07, 2004.
- [41] JFTC, *The Policies Concerning Procedures of Review of Business Combination*. 2011.
- [42] Y. Watanabe and Y. Tamai, "Japanese Merger Notification and Enforcement Policy," *Antitrust*, vol. 15, pp. 49-54, Spring 2001.
- [43] T. Takigawa, "The Prospect of Antitrust Law and Policy in the Twenty-First Century: In Reference to the Japanese Antimonopoly Law and Japan Fair Trade Commission," *Washington University Global Studies Law Review*, vol. 1, no. 1, pp. 275-300, Jan. 2002.
- [44] M. Wakui, *Antimonopoly Law: Competition Law and Policy in Japan*, 2nd ed. Independently Published, 2018.
- [45] Y. Nakano, Takeshi Suzuki, and Kiyoko Yagami, "The Merger Control Review." Anderson Mori & Tomotsune, 2018. Accessed: Sep. 12, 2019. [Online]. Available: [https://www.amt-law.com/en/publications/detail/publication/0020643\\_en\\_001](https://www.amt-law.com/en/publications/detail/publication/0020643_en_001)
- [46] Inoue, *Japanese Antitrust Law Manual Law, Cases, and Interpretation of Japanese Antimonopoly Act*, vol. 27. Kluwer law International, 2007.
- [47] Koki, *Law and Economics in Japanese Competition Policy*, 1st ed. Springer Singapore, 2019.
- [48] Y. Nakano, V. Moussis, and K. Yagami, "Chapter of Japan," in *The Merger Control Review* (Editor Ilene Knable Gotts), 4th Edition., United Kingdom: Law Business Research Ltd, London, 2013.
- [49] JFTC, "Report on Major Merger Cases in FY 2011," Japan, Jun. 2012.
- [50] JFTC, "Report on Major Merger Cases in FY 2012," Tokyo, Japan, Jun. 2013.
- [51] JFTC, "Report on Major Merger Cases in FY 2014," Tokyo, Japan, Jun. 2015.
- [52] N. Levy, "EU Merger Control: From Birth to Adolescence," *World Competition*, vol. 26, no. 2, pp. 195-218, 2003.
- [53] D. Anca Chirita, "Procedural Rights in EU Administrative Competition Proceedings: Ex Ante Mergers," in *Procedural Rights in Competition Law in the EU and China*. Eds. Caroline Cauffman, Qian Hao, vol. 3, Berlin Heidelberg: Springer-Verlag, 2016, pp. 59-100.
- [54] G. Michael Egge, Matteo F. Bay, and Javier Ruiz Calzado, "The New EC Merger Regulation: A Move to Convergence," *Antitrust*, vol. Fall 2004, pp. 37-42.
- [55] Jones and B. Sufirin, *EU Competition Law: Text, Cases, and Materials*, Sixth Edition. Oxford, New York: Oxford University Press, 2016.
- [56] DG Competition, *Best Practices on the conduct of EC merger control proceedings*. 2004.
- [57] L. Johannes, "Making Merger Review Work," in *European, German and International Antitrust Law*, J. Kokott, P. Pohlmann, and R. Polley, Eds. Köln: Verlag Dr. Otto Schmidt KG, Cologne, 2018.
- [58] EC, *Council Regulation No 802/2004 for implementing Council Regulation on the control of concentrations*, vol. No 802/2004. 2004.



- [59] Choe and C. Shekhar, "Compulsory or voluntary pre-merger notification? Theory and some evidence," *International Journal of Industrial Organization*, vol. 28, no. 1, pp. 10-20, Jan. 2010.
- [60] *United States v. E. I. du Pont de Nemours & Co. et al*, 353 U.S. 586. 1957.
- [61] N. N. Phat, "Luật Cạnh tranh năm 2018 và việc khắc phục những bất cập của Luật Cạnh tranh năm 2004 liên quan đến kiểm soát hạn chế cạnh tranh [Competition Law 2018 and overcoming inadequacies of the Competition Law 2004 on competition restriction control]," *State and Law Review, Vietnam*, vol. 6, pp. 32-52, 2019.
- [62] A. Sơn , T. T. Hiều, "Criteria for merger control in Vietnam and the experiences for some foreign legal systems," *State and Law Review, Vietnam*, vol. (6)338, pp. 54 - 63, Jun. 2016.

A